



CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I/2020 kết thúc ngày 31/03/2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH – VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần TECH-VINA tên giao dịch quốc tế Tech - Vina Joint Stock Company;(sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tech - Vina được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần chuyển giao Công nghệ Tech - Vina và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0104230142 đăng ký lần đầu ngày 28/10/2009, thay đổi lần thứ 10 ngày 15/06/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp.

Sản xuất tinh dầu quế, sản xuất củi mùn của từ bã thải của hệ thống chiết suất tinh dầu quế và kinh doanh các mặt hàng liên quan đến tinh dầu, than đốt, găng tay phủ nhựa, màng xốp,

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn gốc Mít, Xã Xuân Quang, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 60.500.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ năm trăm triệu đồng chẵn); Tổng số cổ phần là 6.050.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông :	Hoàng Văn Hải	Chủ tịch	
Bà:	Trần Thị Thúy Nga	Thành viên	
Bà:	Đoàn Thị Vân Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2019
Ông	Hoàng Minh Thái	Thành viên	

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Bà :	Nguyễn Thị Thùy Dung	Trưởng ban
Bà :	Triệu Thị Mùi	Thành viên
Bà	Hoàng Thị Lệ Tuyết	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông :	Hoàng Văn Hải	Giám đốc
-------	---------------	----------

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH – VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Văn Hải

Giám đốc

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 15 tháng 04 năm 2020

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến 31/03/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100	54,193,236,998	52,845,005,059
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110	649,734,171	870,373,800
1. Tiền	111	649,734,171	870,373,800
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120	0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (131 + 132 + 133 + 134 + 135 + 136 + 137 + 139)	130	5,296,317,183	11,130,931,245
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4,948,857,248	6,673,176,706
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	336,805,311	4,447,874,267
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	10,654,624	9,880,272
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140	47,841,213,020	40,700,293,306
1. Hàng tồn kho	141	47,841,213,020	40,700,293,306
V. Tài sản ngắn hạn khác (150 = 151 + 152 + 153 + 154 + 155)	150	405,972,624	143,406,708
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	244,074,363	141,143,062
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	159,634,615	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	2,263,646	2,263,646
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200	32,988,612,485	34,043,715,435
I. Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 + 213 + 214 + 215 + 216 + 219)	210	676,627,845	719,721,593
6. Phải thu dài hạn khác	216	676,627,845	719,721,593
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220	23,602,127,118	24,421,506,014
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221	15,474,811,098	16,038,345,839
- Nguyên giá	222	25,594,821,485	25,594,821,485
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(10,120,010,387)	(9,556,475,646)
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224	8,127,316,020	8,383,160,175
- Nguyên giá	225	8,954,545,455	8,954,545,455
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	(827,229,435)	(571,385,280)
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + 252 + 253 + 254 + 255)	250	4,500,000,000	4,500,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4,500,000,000	4,500,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260	4,209,857,522	4,402,487,828
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4,209,857,522	4,402,487,828
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	87,181,849,483	86,888,720,494

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến 31/03/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối quý	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	22,141,531,817	21,386,989,289
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 322 + 323 + 324)	310	22,141,531,817	21,386,989,289
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4,843,284,544	4,675,613,738
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	2,477,279,635	2,417,279,635
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	915,831,435	1,092,242,436
4. Phải trả người lao động	314	262,401,983	167,884,054
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	43,485,213	43,485,213
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	178,456,939	150,619,544
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12,974,424,567	12,393,497,168
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	446,367,501	446,367,501
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 342 + 343)	330	0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	65,040,317,666	65,501,731,205
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 420 + 421 + 422)	410	65,040,317,666	65,501,731,205
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411	60,500,000,000	60,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	55,000,000,000	55,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	5,500,000,000	5,500,000,000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	446,367,502	446,367,502
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421	4,093,950,164	4,555,363,703
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	4,555,363,703	5,655,716,154
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(461,413,539)	(1,100,352,451)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	87,181,849,483	86,888,720,494



Người lập biểu
Hà Thị Oanh
Lào Cai, Việt Nam
Ngày 15 tháng 04 năm 2020



Kế toán trưởng
Hà Thị Oanh



Tổng Giám đốc
Hoàng Văn Hải

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến 31/03/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 1 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4,915,729,800	10,268,281,600	4,915,729,800	10,268,281,600
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	683,910,168	0	683,910,168
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	4,915,729,800	9,584,371,432	4,915,729,800	9,584,371,432
4. Giá vốn hàng bán	11	4,223,141,344	7,901,165,935	4,223,141,344	7,901,165,935
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20	692,588,456	1,683,205,497	692,588,456	1,683,205,497
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30,718,234	30,091,738	30,718,234	30,091,738
7. Chi phí tài chính	22	240,682,380	271,273,861	240,682,380	271,273,861
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	223,488,084	232,078,378	223,488,084	232,078,378
8. Chi phí bán hàng	25	221,603,896	524,881,957	221,603,896	524,881,957
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	750,005,504	825,681,473	750,005,504	825,681,473
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30	(488,985,090)	91,459,944	(488,985,090)	91,459,944
11. Thu nhập khác	31	30,043,248	150,000	30,043,248	150,000
12. Chi phí khác	32	2,471,697	4,623,917	2,471,697	4,623,917
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	27,571,551	(4,473,917)	27,571,551	(4,473,917)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	(461,413,539)	86,986,027	(461,413,539)	86,986,027
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	0	0	0	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60	(461,413,539)	86,986,027	(461,413,539)	86,986,027
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	(76)	14	(76)	14



Người lập biểu

Hà Thị Oanh

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 15 tháng 04 năm 2020



Kế toán trưởng

Hà Thị Oanh



Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ 1/ 2020

Theo phương pháp gián tiếp

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(461,413,539)	(1,130,294,105)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	819,378,896	3,162,320,044
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	0	16,600,000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(87,434)	(4,756,400)
- Chi phí lãi vay	06	223,488,084	1,112,954,903
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động (08 = 01 + 02 + 03 + 04 + 05 + 06 + 07)	08	581,366,007	3,156,824,442
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5,718,073,196	21,575,016,380
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(7,140,919,714)	(5,924,395,622)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	173,615,129	(6,767,817,989)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	89,699,005	1,069,125,264
- Tiền lãi vay đã trả	14	(223,488,084)	(1,143,150,803)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	0	(243,680,868)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	17,144,550	76,994,755
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (20 = 08 + 09 + 10 + ... + 16 + 17)	20	(784,509,911)	11,798,915,559
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	0	(12,276,450,909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	0	10,741,205,197
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	(12,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	7,500,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18,683	267,332
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (30 = 21 + 22 + ... + 26 + 27)	30	18,683	(6,034,978,380)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	8,653,508,050	54,033,950,494
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7,615,625,203)	(57,772,265,117)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(474,031,248)	(1,682,883,697)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (40 = 31 + 32 + 33 + 34 + 35 + 36)	40	563,851,599	(5,421,198,320)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(220,639,629)	342,738,859
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	870,373,800	525,837,915
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	1,797,026
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	649,734,171	870,373,800

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH – VINA

Báo cáo tài chính

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến 31/03/2020



Người lập biểu
Hà Thị Oanh
Lào Cai, Việt Nam



Kế toán trưởng
Hà Thị Oanh



Tổng Giám đốc
Hoàng Văn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Địa chỉ: Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN				
Tiền mặt	544,966,601	836,043,046		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	104,767,570	34,330,754		
Tiền đang chuyển	-	-		
Cộng	649,734,171	870,373,800		
2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH				
3 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	4,510,134,548	6,673,176,706		
<i>Bernardi S.A.S.U</i>	739,252,800	0		
<i>Công ty cổ phần Techvina NAC</i>	1,587,976,718	3,273,139,487		
<i>XIAMEN OAMIC</i>	0	1,792,180,500		
<i>BONTOUX SAX</i>	499,500,000	-		
<i>R.C.TREATT & CO LTD</i>	396,121,500	-		
<i>UNGERER LIMITED</i>	356,664,000	-		
<i>HDDES EXTRACTS</i>	313,348,000	-		
- Các khách hàng khác	617,271,530	1,607,856,719		
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-		
Cộng	4,510,134,548	6,673,176,706		
4 . PHẢI THU VỀ CHO VAY VÀ PHẢI THU KHÁC				
5 . HÀNG TỒN KHO	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Nguyên vật liệu	11,541,250,553	2,557,375,984		
Công cụ, dụng cụ	28,975,361	11,594,787		
Thành phẩm nhập kho	33,693,427,604	33,681,197,527		
Hàng hóa	2,577,559,502	4,450,125,008		
Cộng	47.841.213.020	40.700.293.306		
7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
a) Ngắn hạn	244,074,363	141,143,062		
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	244,074,363	141,143,062		
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	-	-		
b) Dài hạn	-	-		
Cộng	244,074,363	282,286,124		
8 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	4,843,284,544	4,843,284,544	4,675,613,738	4,675,613,738
- Vũ Tuấn Trung	585,413,551	585,413,551	585,413,551	585,413,551
Hợp tác xã 6-12 Xã Đào Thịnh	1,810,000,000	1,810,000,000	1,810,000,000	1,810,000,000
Đình Thị Kiều Trang	522,000,000	522,000,000	522,000,000	522,000,000
- Các đối tượng khác	1,925,870,993	1,925,870,993	1,758,200,187	1,758,200,187
- Công ty A (Có giá trị trên 10% tổng số phải trả)				
- Công ty B (Có giá trị trên 10% tổng số phải trả)				
- Phải trả cho các đối tượng khác				
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Cộng	4,843,284,544	4,843,284,544	4,675,613,738	4,675,613,738

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Địa chỉ: Thôn Góc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
a) Phải nộp (Chi tiết cho từng loại thuế)				
- Thuế GTGT	1,034,478,507	-	173,795,499	860,683,008
- Thuế TNDN	-	-	-	-
- Thuế TNCN	57,763,929	13,929,262	16,544,764	55,148,427
- Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	1,092,242,436	13,929,262	190,340,263	915,831,435

Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	176,983,831	122,121,716
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	15,279,825	28,293,970
- Bảo hiểm xã hội	34,707,465	3,174,930
- Bảo hiểm y tế	5,564,565	-
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp +BNN	2,473,140	1,473,108
- Phải trả, phải nộp khác	118,958,836	117,677,536
- Phải trả, phải nộp khác	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	-
b) Dài hạn	-	199,000,000
Cộng	176,983,831	321,121,716
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		

11 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	10,949,018,311	10,949,018,311	9,894,059,664	9,894,059,664
Vay ngân hàng(*)	10,949,018,311	10,949,018,311	9,894,059,664	9,894,059,664
Vay các đối tượng khác	-	-	791,437,500	791,437,500
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
b) Vay dài hạn	2,025,406,256	2,025,406,256	2,499,437,504	2,499,437,504
Vay ngân hàng (**)	-	-	-	-
Vay các đối tượng khác	2,025,406,256	2,025,406,256	2,499,437,504	2,554,668,383
Cộng	12,974,424,567	12,974,424,567	12,393,497,168	12,393,497,168

(*) Vay Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease-Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng cho thuê tài chính số/No:C190522012 ký ngày 24 tháng 05 năm 2019 thời hạn thuê là 24 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất quy định cụ thể theo phụ lục số 01/ANNEX No.01 ký ngày 25 tháng 04 năm 2019.

(*) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội theo Hợp đồng hạn mức số 4227/18/TD-TT/II.30 ngày 19/09/2018 với hạn mức cấp tín dụng tối đa 3.000.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian vay cụ thể được quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất quy định cụ thể tại từng thời điểm vay. Khoản vay được đảm bảo bằng một phần tài sản.

(*) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội theo Hợp đồng hạn mức số 3671/18/TD-TT/II.30 ngày 27/08/2018 với hạn mức cấp tín dụng tối đa 10.000.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian vay cụ thể được quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất quy định cụ thể tại từng thời điểm vay. Khoản vay được đảm bảo bằng một phần tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Địa chỉ: Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

12 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	60,500,000,000	60,500,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	60,500,000,000	60,500,000,000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	60,500,000,000	60,500,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6,050,000	6,050,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6,050,000	6,050,000
- Cổ phiếu phổ thông	6,050,000	6,050,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6,050,000	6,050,000
- Cổ phiếu phổ thông	6,050,000	6,050,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân	6,050,000	6,050,000

đ) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
 - Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:
 - Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
 Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

e) Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển
 - Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp
 - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

30 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Lũy kế đến hết quý 2.2020	
	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu	4,915,729,800	54,197,692,676
Doanh thu bán hàng hóa xuất khẩu	3,836,808,000	37,087,100,895
Doanh thu bán hàng hóa trong nước	1,078,921,800	17,110,591,781
Cộng	4,915,729,800	54,197,692,676

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Địa chỉ: Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	-	1,012,513,632
Cộng	-	1,012,513,632

3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Lũy kế đến hết quý 1.2020	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa xuất khẩu	3,815,276,093	31,622,826,607
Giá vốn bán hàng hóa trong nước	406,501,656	15,260,930,096
Cộng	4,221,777,749	46,883,756,703

4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế đến hết quý 1.2020	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	87,434	69,493,048
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31,209,550	2,304,132
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán		
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	31,296,984	71,797,180

5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Lũy kế đến hết quý 01/2020	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	223,488,084	1,112,954,903
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17,194,296	148,774,325
Cộng	240,682,380	1,261,729,228

6 . THU NHẬP KHÁC

	Lũy kế đến hết quý 1.2020	
	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
- Lãi do đánh giá lại tài sản		1,786,659,742
- Tiền phạt thu được		
- Thuế được giảm		
Các khoản khác	30,043,248	9,016,959,803
Cộng	30,043,248	10,803,619,545

7 . CHI PHÍ KHÁC

	Lũy kế đến hết quý 1.2020	
	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		1,784,207,474
- Lỗ đánh giá lại tài sản		
Các khoản bị phạt		
Các khoản khác	2,471,697	9,024,614,322
Cộng	2,471,697	10,808,821,796

8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	50,632,307	405,225,551
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì, vật liệu quản lý		
Chi phí dụng cụ, đồ dùng		14,905,451
Chi phí khấu hao tài sản cố định		15,555,552
Chi phí bảo hành		
Thuế, phí, lệ phí		
Chi phí dự phòng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	134,141,171	1,079,387,702
Chi phí bằng tiền khác	36,830,418	1,068,777,797
Cộng	221,603,896	2,583,852,053

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Địa chỉ: Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
9 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
Chi phí nhân viên quản lý	219,446,105	1,287,339,577
Chi phí vật liệu quản lý	13,814,628	65,028,886
Chi phí đồ dùng văn phòng	6,697,462	42,657,636
Chi phí khấu hao TSCĐ	278,594,549	764,911,640
Thuế, phí và lệ phí	81,366,491	72,727,573
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55,695,587	705,204,630
Chi phí bằng tiền khác	94,390,682	801,977,442
Cộng	750,005,504	3,739,847,384

	Lũy kế đến hết quý 1.2020	
	Năm nay	Năm trước
10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(461,413,540)	(1,130,294,105)
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	67,879,245
+ Chi phí không được trừ	-	417,750
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(461,413,540)	(1,062,414,860)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	-	-
Thuế suất thuế TNDN	10%	10%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế thu nhập phải nộp đầu năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	-	-

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**IX . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

4 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**4.1 Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên đều được vai trò và trách nhiệm của mình.

4.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

4.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Địa chỉ: Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là

đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền. Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

4.5 Giá trị hợp lý

5 . Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong quý II/2019:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Giá trị</i>
- Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc			

6 . Số liệu so sánh

7 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập

Hà Thị Oanh

Kế toán trưởng

Hà Thị Oanh

Lào Cai, ngày 15 tháng 04 năm 2020
Tổng Giám đốc
**CÔNG TY
CỔ PHẦN
TECH-VINA**
H. BẢO THẮNG, T. LÀO CAI
Hoàng Văn Hải



Số: 04/2020/CV-CET
V/v: Giải trình liên quan đến
BCTC Quý I/2020

Lào Cai, ngày 15 tháng 04 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Tech - Vina
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0104230142
- Trụ sở: thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai
- Điện thoại: 0221 2222 689

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tech - Vina xin giải trình liên quan đến Báo cáo tài chính Quý I/ 2020. Cụ thể như sau:

1. Tại Báo cáo tài chính Quý I năm 2020, Lợi nhuận sau thuế thay đổi trên 10% so với cùng kỳ Quý I năm 2019. Cụ thể:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Quý I/2020	Quý I/2019	Chênh lệch
Doanh thu thuần	4.915.729.800	9.584.371.432	-48,71%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-461.413.539	86.986.027	-630,45%

- Lý do chênh lệch:
- + Lợi nhuận sau thuế TNDN quý I/2020 giảm do tác động từ kinh tế thế giới và ảnh hưởng từ dịch bệnh, dẫn tới doanh thu từ xuất khẩu giảm mạnh, trong khi chi phí cố định không đổi.

Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính tài chính quý I năm 2020 đã được đăng tải trên website của Công ty: <http://techvina.vn/vi/thong-tin-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA



GIÁM ĐỐC

Hương Văn Hải